

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: ĐỊA LÍ 11

Thời gian làm bài: 45 Phút

(không kể thời gian phát đề)

PHẦN A. Trắc nghiệm (7 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế bằng đường biển qua Thái Bình Dương với

- A. các nước châu Phi và Nam Mỹ. B. Nhật Bản và các nước Đông Á.
C. Liên Bang Nga và các nước châu Âu. D. Ấn Độ và nhiều nước Nam Á.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng với ngành công nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Là siêu cường công nghiệp của thế giới.
B. Chỉ đầu tư mạnh ngành khai khoáng.
C. Chỉ phát triển mạnh các ngành chế biến.
D. Ít chú trọng đến ngành năng lượng.

Câu 3. Dân cư Hoa Kỳ hiện nay đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía

- A. nam và ven Đại Tây Dương. B. nam và ven bờ Thái Bình Dương.
C. bắc và ven bờ Thái Bình Dương. D. tây và ven bờ Đại Tây Dương.

Câu 4. Nơi có nhiều thuận lợi cho trồng cây lương thực của Nga là

- A. đồng bằng Đông Âu. B. đồng bằng Tây Xi-bia.
C. đồng Xi-bia. D. phần phía Đông.

Câu 5. Biểu hiện nào sau đây là khó khăn của tự nhiên Liên bang Nga đối với phát triển kinh tế?

- A. Tài nguyên tập trung chủ yếu ở vùng núi.
B. Nhiều sông ngòi có trữ năng thủy điện lớn.
C. Phần lớn lãnh thổ nằm ở khí hậu ôn đới.
D. Diện tích rừng lớn, chủ yếu rừng khải thác.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội Nga?

- A. Người Nga là dân tộc chủ yếu. B. Mật độ dân số trung bình cao.
C. Tỷ lệ dân sống ở thành thị lớn. D. Nhiều người di cư ra nước ngoài.

Câu 7. Các ngành công nghiệp của Liên bang Nga có vị thế lớn trên thế giới là

- A. hóa chất, xây dựng, sản xuất ô tô, công nghệ thông tin, dệt.
B. chế tạo máy bay quân sự và trực thăng, chế biến thực phẩm.
C. sản xuất thép, xe cơ giới, chế tạo máy bay quân sự, vũ trụ.
D. sản xuất xe cơ giới, công nghệ thông tin, hóa chất, điện tử.

Câu 8. Nhật Bản nằm ở vị trí nào sau đây?

- A. Đông bắc Á. B. Nam Á. C. Bắc Á. D. Tây Á.

Câu 9. Nhật Bản có

- A. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
B. đường bờ biển dài, có ít vũng vịnh.
C. ít vũng vịnh, nhiều dòng biển nóng.
D. nhiều dòng biển nóng, có rất ít đảo.

Câu 10. Nhật Bản phát triển thủy điện dựa trên điều kiện thuận lợi chủ yếu là

- A. địa hình núi đồi, nhiều sông lớn. B. sông dốc, nhiều thác ghềnh.
C. mưa nhiều, mưa theo mùa. D. độ che phủ rừng lớn, nhiều sông.

Câu 11. Năng suất lao động xã hội ở Nhật Bản cao chủ yếu do

- A. cơ cấu dân số già nhanh. B. làm việc chăm chỉ, tự giác.
C. không làm việc tăng ca. D. lực lượng lao động đông.

Câu 12. Một trong những nguyên nhân về mặt xã hội đã làm giảm sút khả năng cạnh tranh của Liên bang Nga trên thế giới là

- A. tỉ suất gia tăng dân số thấp. B. thành phần dân tộc đa dạng.

C. dân cư phân bố không đều.

D. tình trạng chảy máu chất xám.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sản xuất nông nghiệp của Liên bang Nga tập trung chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu và phía nam đồng bằng Tây Xi-bia. Hoạt động lâm nghiệp phát triển mạnh ở phía bắc đồng bằng Đông Âu và Xi-bia. Hoạt động đánh bắt cá biển tập trung chủ yếu ở ngư trường vùng Viễn Đông, vùng biển Ca-xpi. Hiện nay, Liên bang Nga đang đầu tư, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất,... để mang lại hiệu quả ngày càng cao.

a) Đồng bằng Đông Âu của Nga phát triển mạnh nông nghiệp.

b) Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở Nga do có nhiều thuận lợi về khoáng sản.

c) Đồng bằng Tây Xi-bia là nơi phát triển mạnh đánh bắt cá.

d) Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phân bố đồng đều trên lãnh thổ của Nga.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Tình hình sản xuất lúa gạo của Nhật Bản qua các năm

Năm	2000	2010	2020
Diện tích (nghìn ha)	1 770	1 643	1 462
Sản lượng (nghìn tấn)	11 863	10 596	9 708

a) Từ năm 2000- 2020, diện tích lúa của Nhật Bản giảm không liên tục.

b) Từ năm 2000- 2020, sản lượng lúa của Nhật Bản giảm 1,3 lần.

c) Dạng biểu đồ thích hợp thể hiện tình hình sản xuất lúa gạo của Nhật Bản trong giai đoạn 2000 – 2020 là cột.

d) Từ năm 2010 – 2020, diện tích và sản lượng lúa của Nhật Bản tăng.

III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020.
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm Trị giá	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên. Cho biết tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ năm 2020 tăng bao nhiêu lần so với năm 2000? (Làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Tổng số dân của Liên bang Nga là 146 triệu người, trong đó dân tộc Nga chiếm 80,9% (năm 2020). Cho biết dân tộc Nga của Liên bang Nga có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2020, Nhật Bản có diện tích là 378,0 nghìn km², dân số năm là 126,2 triệu người.

Cho biết mật độ dân số của Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Tổng GDP của toàn thế giới năm 2020 đạt 84906,8 tỉ USD và GDP của Liên bang Nga đạt 1483,5 tỉ USD. Cho biết GDP của Liên bang Nga chiếm bao nhiêu % trong tổng GDP của thế giới? (Làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

PHẦN B. Tự luận (3 điểm).

Câu 1: (1,5 điểm) Phân tích tác động của đặc điểm xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội Liên bang Nga.

Câu 2: (1,5 điểm) Cho bảng số liệu sau:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020*(Đơn vị: tỉ USD)*

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	519,9	667,5	859,2	775,0	785,4
Nhập khẩu	452,1	599,8	782,1	799,7	786,2

(Nguồn: WB, 2021)

- a. Tính cán cân xuất nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000- 2020.
b. Nhận xét giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000- 2020.

----- HẾT -----**ĐÁP ÁN**

1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
11	
12	
1	SDSS
2	SSDS
1	1,9
2	118
3	334
4	1,7